

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG- KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PGS.TSKH. TRẦN NGUYỄN TUYẾN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Phát triển bền vững được xác định là mục tiêu cơ bản lâu dài trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của nhiều quốc gia trong thế kỷ 21. Ở Việt Nam qua 20 năm đổi mới, mặc dù đã đạt được nhiều kết quả quan trọng về tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường song thực tế đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết ở trình độ cao hơn. Dự thảo văn kiện Đại hội X đã xác định cần giải quyết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả và chất lượng với việc giải quyết các vấn đề xã hội như việc làm, giảm bớt chênh lệch giàu nghèo, thực hiện xoá đói giảm nghèo đồng thời bảo vệ môi trường sinh thái trong tổng thể chung về chiến lược phát triển bền vững. Bài viết này sẽ phân tích kinh nghiệm quốc tế và những kiến nghị đối với Việt Nam trong việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững.

Tại hội nghị Thượng đỉnh trái đất về môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002 đã xác định "phát triển bền vững" là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ hợp lý và hài hoà giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên). Phát triển bền vững được hiểu là "sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau".

Phát triển bền vững đang là một xu hướng chủ đạo, khách quan chi phối sự phát triển của tất cả các quốc gia hiện nay trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, do vậy đã được toàn thế giới đồng thuận xây dựng thành Chương trình Nghị sự 21 và được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển, tổ chức năm 1992 tại Rio de Janeiro, Brazil. Tại hội nghị này chính phủ Việt Nam đã cử đoàn đại biểu cao cấp đến dự và cam kết xây dựng thực hiện Chương trình Nghị sự 21 về Phát triển bền vững ở Việt Nam. Đến nay trên thế giới đã có 191 nước xây dựng Chương trình Nghị sự 21 cấp quốc gia và hơn 6500 chương trình nghị sự cấp ngành và địa phương.

1. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển bền vững

Phát triển bền vững là mục tiêu phấn đấu của nhiều quốc gia trong thế kỷ XXI, tuy nhiên sự phát triển bền vững còn tùy thuộc vào trình độ

phát triển của từng quốc gia về kinh tế, xã hội và để thực hiện được mục tiêu này đòi hỏi chính phủ ở mỗi nước phải thực hiện tổng thể các giải pháp có tầm chiến lược với những bước đi phù hợp.

Canada và Thái Lan là hai quốc gia có trình độ phát triển kinh tế khác nhau, tuy nhiên kinh nghiệm của hai nước này về xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển bền vững có giá trị tham khảo bổ ích đối với nhiều nước đang phát triển hiện nay trong đó có Việt Nam.

1.1. Tại Canada:

Ngay từ năm 1994 chính phủ Liên bang đã quan tâm xây dựng chính sách phát triển kinh tế gắn với chính sách xã hội và môi trường, chính quyền các địa phương đều có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, cụ thể hoá định hướng tới phát triển bền vững. Để thể chế hoá chính sách phát triển bền vững, Canada đã xây dựng, ban hành các đạo luật như Luật Bảo vệ môi trường, Đạo luật về Đánh giá môi trường. Các văn bản pháp lý đặt ra yêu cầu kết hợp chặt chẽ yếu tố môi trường trong mọi dự án phát triển kinh tế, xã hội. Nhiều bang của Canada như Winnipeg đã xây dựng Luật Phát triển bền vững của bang mình.

Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững đã được thành lập, điều phối hoạt động của các Bộ, ngành và địa phương trong việc thực hiện Chương trình Nghị sự 21. Vì Canada là nước phát triển trình độ cao, là thành viên của nhóm G7, nên Chương trình Nghị sự 21 của nước này tập trung vào việc bảo vệ, duy trì sự bền vững về môi trường tự nhiên gắn với phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Mục tiêu phát triển bền vững về môi trường tự nhiên ở Canada được thể hiện trong chiến lược phát triển bền vững của các ngành như nông nghiệp (bảo tồn tài nguyên đất, chất lượng nước ngầm, quản lý lượng nước thải,

bảo vệ môi trường sinh vật hoang dã, đa dạng hóa sinh học, chất lượng không khí và thay đổi khí hậu, quản lý chất thải và ô nhiễm, bảo tồn nguồn gen). Chương trình "Che phủ vĩnh viễn" khắc phục tình trạng sỏi mòn đất và chương trình "Kế hoạch xanh" đang được triển khai có hiệu quả tại nhiều địa phương của Canada.

Các dự án triển khai của các ngành công nghiệp nhất là các ngành công nghiệp cơ khí, hoá chất, khai khoáng, du lịch... đều phải tính đến tác động đối với môi trường sinh thái và có kế hoạch, kinh phí để bảo vệ môi trường.

Viện Nghiên cứu quốc tế về Phát triển bền vững của Canada đã nghiên cứu kinh nghiệm của nhiều quốc gia về việc thực hiện Chương trình Nghị sự 21, trên cơ sở này, thành phố Vancouver của Canada đã tham gia Hội đồng 19 thành phố đạt tiêu chuẩn phát triển bền vững quốc tế.

Chính quyền cấp tỉnh và thành phố đã xây dựng chiến lược bền vững riêng của mình, trong đó chú trọng và có cơ chế phối hợp với các bộ ngành trên địa phương mình tham gia thực hiện, ví dụ bang British Columbia thực hiện quy hoạch sử dụng đất với sự tham gia ngay từ đầu của các cơ quan chức năng cũng như trong quá trình triển khai thực hiện. Chương trình Nghị sự 21 của các địa phương về phát triển bền vững đã được thực hiện có kết quả tại Canada trong sự quản lý thống nhất của chính quyền trung ương.

Canada chú trọng vai trò của cộng đồng xã hội dân cư trong việc triển khai thực hiện Chương trình Nghị sự 21, coi đó là một yếu tố quan trọng trong việc xây dựng và thực thi Chiến lược Phát triển bền vững ở cấp cơ sở, địa phương và quốc gia.

1.2. Tại Thái Lan:

Chính phủ Thái Lan đã xây dựng Chiến lược Phát triển bền vững quốc gia, tham gia tích cực vào các chương trình phát triển bền vững quốc tế như tham gia Nghị định thư Montreal năm 1989 và các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường. Trong thời gian qua, nhiệm vụ phát triển về kinh tế, giải quyết vấn đề xã hội và môi trường được lồng ghép trong các chương trình phát triển kinh tế- xã hội quốc gia và các địa phương.

Khác với Canada là nước phát triển, Thái Lan là nước đang phát triển, đang phải đương đầu với nhiều vấn đề về xã hội và môi trường gay gắt như 7% dân số đô thị và gần 15% dân số nông thôn còn trong tình trạng nghèo đói, gần đây là tình trạng mất ổn định ở 3 tỉnh phía Nam, do vậy khía cạnh xã hội của phát triển bền vững là một trọng tâm trong Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội quốc gia. Cho đến nay, Thái Lan đã giải quyết khá thành công vấn đề giảm nghèo cho thành thị và nông thôn, có sự tham gia từ dưới lên của cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội nhất là của phụ nữ. Chính phủ Thái có nhiều chương trình hỗ trợ, tạo điều kiện giải quyết các vấn đề việc làm và thu nhập cho dân cư các địa phương khó khăn. Điều này được thể hiện rõ nhất trong chương trình "Một triệu Bat cho các xã nghèo" do Thủ

tướng trực tiếp chỉ đạo, nông dân ở các xã tham gia xây dựng chương trình sử dụng vốn vay, cấp huyện duyệt thông qua, không cần đến cấp tỉnh và Trung ương.

Nhiều địa phương của Thái Lan như tỉnh Trang đã thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường trong từng bước phát triển. Tỉnh đã quan tâm xây dựng hệ thống nước thải, xử lý chất thải công nghiệp. Khâu tuyên truyền, nâng cao nhận thức, qua đó lôi cuốn sự tham gia đông đảo cộng đồng dân cư có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của địa phương. Các Ủy viên hội đồng thành phố hàng tháng có kế hoạch tiếp xúc với cộng đồng dân cư để nắm bắt thông tin, xử lý các vấn đề nảy sinh đối với vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái.

Ở Thái Lan, ngoài chính phủ, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư có vai trò quan trọng trong việc phối hợp chương trình hành động chung để thực hiện Chương trình Nghị sự 21 cấp quốc gia và vùng. Hiệp hội Phát triển cộng đồng và dân số, Hiệp hội cha mẹ Thái Lan và các tổ chức phi chính phủ khác tham gia tư vấn về các vấn đề liên quan đến dân số và môi trường, đặc biệt Kế hoạch Triển vọng 20 năm về sự Phát triển Phụ nữ (1992- 2011) đã thu hút sự tham gia đông đảo của phụ nữ Thái Lan vào việc ra quyết định ở các cấp, đóng góp về chính sách kinh tế- xã hội, các khía cạnh chính trị và hành chính.

Hiện nay, Thái Lan đang xây dựng các tiêu chí phát triển bền vững, trong Kế hoạch lần thứ 9 (2002- 2006), chính phủ tập trung xây dựng chính sách tổng thể, khuôn khổ quốc gia tổng hợp về phát triển bền vững trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.

Bên cạnh kết quả đạt được, hiện nay Thái Lan đang phải đương đầu với nhiều vấn đề cấp bách cần giải quyết như cơ cấu lại các ngành kinh tế, chuyển các ngành công nghiệp ô nhiễm ra khỏi thủ đô, các thành phố lớn với những chi phí rất tốn kém, tình trạng ùn tắc giao thông, vấn đề xây dựng khôi phục lại hệ thống cơ sở hạ tầng ở các bãi biển phía Nam do ảnh hưởng của đợt Sóng thần tháng 12 năm 2004, tình trạng phân hoá giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư thu nhập cao và bộ phận nông dân nghèo đói ở các tỉnh nông thôn.

Nhìn chung ở cả hai nước Canada và Thái Lan hiện nay cũng nảy sinh nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết như: cơ chế kiểm tra, giám sát về phát triển bền vững còn chưa được thể hiện rõ, nhất là trong việc đánh giá tác động của phát triển kinh tế, xã hội đối với môi trường tự nhiên; chưa có chế tài đủ mạnh trong việc xử lý vi phạm về môi trường. Nội dung chủ yếu phát triển bền vững ở Canada tập trung chủ yếu vào giải quyết vấn đề môi trường tự nhiên, trong khi đó ở Thái Lan chú trọng tăng trưởng kinh tế và đang phải đối đầu giải quyết nhiều vấn đề xã hội, nhất là tình trạng phân hoá giàu nghèo, việc làm và vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Một số vấn đề rút ra đối với việc thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững ở Việt Nam

Nền kinh tế nước ta đã vượt qua thời kỳ suy giảm, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm 2001- 2005 tăng gần 7,5%/năm, kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, các quan hệ chủ yếu trong nền kinh tế được cải thiện đáng kể, đời sống xã hội có nhiều tiến bộ, gắn với phát triển kinh tế, công tác xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh. Tuy nhiên về phương diện phát triển bền vững, ở nước ta còn bộc lộ nhiều yếu kém như chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh, mức độ chuẩn bị hội nhập của nền kinh tế còn thấp, chính sách xã hội chậm được đổi mới, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt, môi trường sinh thái ô nhiễm nặng, tài nguyên bị khai thác bừa bãi và sử dụng lãng phí...

Ngày 17/8/2004 Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam). Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam là một chiến lược khung bao gồm những định hướng lớn làm cơ sở pháp lý để các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện và phối hợp hành động nhằm đảm bảo phát triển bền vững đất nước trong thế kỷ 21. Đây là chiến lược khung, chương trình hành động, bao gồm những định hướng lớn để phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường, đó là cơ sở để các bộ, ngành và địa phương, các tổ chức đoàn thể cùng cộng đồng dân cư phối hợp hành động nhằm thực hiện phát triển bền vững đất nước trong thế kỷ 21. Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam được xây dựng trên 8 nguyên tắc cơ bản là:

1. Con người là trung tâm của phát triển bền vững.

2. Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn phát triển sắp tới, đảm bảo an ninh lương thực, năng lượng để phát triển bền vững, kết hợp chặt chẽ hợp lý hài hoà với phát triển xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên trong giới hạn cho phép về mặt sinh thái và bảo vệ môi trường.

3. Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường phải được coi là một yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển.

4. Quá trình phát triển phải đảm bảo đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thế hệ hiện tại và không gây trở ngại tới cuộc sống của các thế hệ tương lai.

5. Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thúc đẩy phát triển nhanh mạnh và bền vững đất nước.

6. Phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương, của các cơ quan doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mọi người dân.

7. Gắn việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển bền vững đất nước.

8. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Từ kinh nghiệm thành công của các quốc gia trong việc xây dựng và thực hiện Chương trình Nghị sự 21 về Phát triển bền vững có thể rút ra một số nhận xét có giá trị tham khảo đối với nước ta hiện nay như sau:

- Cần thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội, các tầng lớp dân cư để người dân nhận thức được sự cần thiết và trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển bền vững ngay tại địa phương mình.

- Xây dựng hệ thống pháp luật, chính sách đồng bộ thể hiện sự gắn kết giữa nội dung phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường ở tầm vĩ mô và vi mô, trong từng dự án phát triển và trong từng bước phát triển của từng ngành, từng địa phương và cả quốc gia. Không chỉ chú trọng đến mặt này mà coi nhẹ mặt khác, nhất là chỉ chú trọng phát triển kinh tế bằng mọi giá mà không lo kết hợp giải quyết ngay từ đầu các vấn đề về xã hội, môi trường.

- Xây dựng hệ thống tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy, để chương trình nghị sự 21 thực sự đi vào cuộc sống cần thành lập Hội đồng phát triển bền vững cấp quốc gia và cấp ngành, cấp địa phương (đến nay đã có gần 100 nước thiết lập hội đồng phát triển bền vững cấp quốc gia, nhiều nước như Trung Quốc đã thành lập hội đồng phát triển bền vững cấp quốc gia do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch).

Hội đồng phát triển bền vững quốc gia có sự tham gia đồng đẳng của các ngành, các cấp, các tổ chức phi chính phủ, các nhà khoa học và quan trọng nhất là sự tham gia của đại diện cộng đồng dân cư xã hội. Phương thức hoạt động của hội đồng dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, có sự phối hợp thường xuyên giữa các bộ ngành địa phương, đảm bảo sự tham gia và giám sát của cộng đồng dân cư. Mỗi dự án phát triển bền vững, phải thể hiện rõ mục tiêu phát triển gắn kinh tế xã hội và môi trường, thể hiện con người là trung tâm phát triển kinh tế- xã hội, có cơ chế kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện chiến lược phát triển bền vững ■

Tài liệu tham khảo:

1. Kết quả nghiên cứu khảo sát của Đoàn cán bộ cao cấp các Ban Đảng về Phát triển bền vững tại Canada và Thái Lan, tháng 5/2005.

2. Quyết định số 153 /2004/ QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/8/2004 về Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam.

3. Tài liệu phát triển bền vững ở Việt Nam theo Chương trình Nghị sự 21 - Văn phòng Agenda 21. Hà Nội 2005.